

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Chuyền – HP (23401705)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125170381	Vũ Xuân	Chính	21/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	2125170350	Phạm Quang	Cường	23/07/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	7.0	8.0	7.5	
3	2125170332	Võ Hoàng	Đăng	23/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	7.0	8.0	7.5	
4	2125170331	Nguyễn Quốc	Danh	27/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	7.0	8.0	7.5	
5	2125170389	Điền Minh	Đạt	08/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	7.0	8.0	7.5	
6	2125170338	Võ Phan Tiến	Đạt	20/04/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	6.0	7.0	8.0	7.3	
7	2125170344	Trần Công	Định	04/08/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	2125170386	Nguyễn Minh	Dũng	27/09/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	7.0	8.0	7.5	
9	2125140214	Trương Triệu	Dương	09/08/2007	Công nghệ KT cơ điện tử F	9.0	9.0	9.0	9.0	
10	2125170330	Võ Văn Khánh	Duy	25/07/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.3	
11	2125170348	Lương Thanh	Hải	26/03/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.3	
12	2125170351	Phạm Vĩnh	Hào	15/05/2006	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.3	
13	2125170366	Nguyễn Phạm Hoàng	Hiệp	04/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	2125170328	Nguyễn Công	Hiếu	26/06/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	2125170385	Lê Đức	Huy	28/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	2125170364	Nguyễn Quang	Huy	13/12/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
17	2125170360	Nguyễn Tuấn	Huy	23/08/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.3	
18	2125330079	Huỳnh Gia	Khang	24/05/2007	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	2125170384	Trần Duy	Khang	07/10/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	9.0	8.0	8.5	
20	2125170345	Nguyễn Gia	Khánh	14/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	8.0	8.5	
21	2125170347	Nguyễn Phan Hoàng	Lâm	21/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	2125170349	Phạm Hoài	Lâm	05/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	8.0	8.5	
23	2125170327	Mai Thanh	Lộc	12/02/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	8.0	8.5	
24	2125170346	Lê Hoài	Nam	09/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	8.0	8.5	
25	2125170383	Phạm Khánh	Nam	18/10/2006	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	9.0	8.0	8.5	
26	2125170335	Quách Công	Nam	17/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	8.0	8.5	
27	2125170399	Trần Hạo	Nam	03/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	9.0	8.0	8.5	
28	2125170343	Võ Văn	Nghĩa	18/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	9.0	9.0	8.5	
29	2125170357	Đoàn Long	Nhật	03/12/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	9.0	9.0	
30	2125170359	Phạm Văn	Phong	02/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	9.0	9.0	
31	2125170324	Phan Đình	Phong	22/03/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	9.0	9.0	
32	2125170377	Trần Thanh	Phong	06/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	9.0	9.0	
33	2125170342	Nguyễn Thanh	Phú	05/06/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	9.0	9.0	
34	2125170334	Nguyễn Minh	Phúc	12/04/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	9.0	5.0	7.0	
35	2125170395	Phạm Nguyễn Thành	Phúc	31/10/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	8.0	7.0	7.3	
36	2125170390	Nguyễn Phú	Quý	30/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	2125170367	Phan Nhật	Quyên	27/03/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.3	
38	2125170380	Nguyễn Thái	Sơn	11/08/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	7.0	7.0	7.3	
39	2125170391	Hoàng Đức	Tài	23/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	5.0	9.0	8.0	
40	2125170341	Võ Phước	Tài	01/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	2.0	2.0	2.0	2.0	
41	2125170376	Đinh Trường	Thắng	27/03/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	9.0	8.3	
42	2125170361	Trương Quang	Thành	09/10/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	9.0	8.0	9.0	8.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
43	2125170401	Lê Nguyễn Quang	Thịnh	12/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	5.0	9.0	8.0	
44	2125170397	Huỳnh Hoa	Thuận	07/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	5.0	9.0	7.5	
45	2125170382	Trương Phú	Toàn	30/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	9.0	8.0	9.0	8.8	
46	2125170394	Nguyễn Minh	Trí	20/02/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	7.0	8.0	9.0	8.3	
47	2125170363	Thạch Minh	Trí	01/01/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	7.0	7.0	7.3	
48	2125170356	Nguyễn Trần Đức	Tú	27/12/2006	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	
49	2125170400	Nguyễn Minh	Tuấn	13/12/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	8.0	7.0	7.5	
50	2125170353	Nguyễn Trọng	Vàng	05/04/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	7.0	7.3	
51	2125170325	Phạm Bảo	Việt	18/11/2006	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	2.0	2.0	2.0	2.0	
52	2125170339	Lê Tuấn	Vũ	24/05/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	
53	2125170340	Phạm Ngọc	Vũ	24/10/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	7.0	7.5	
54	2125170355	Trần Quang	Vũ	23/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	8.0	8.0	7.0	7.5	
55	2125170378	Kim Hoàn	Vũ	16/07/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô J	8.0	8.0	7.0	7.5	
56	2125170365	Nguyễn Phan Anh	Vương	08/11/2007	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	0.0	0.0	0.0	0.0	

TPHCM, ngày 7 tháng 07 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Chuyền – HP (23401705)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125170381	Vũ Xuân	Chính	21/01/2007	CCQ2517J	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
2	2125170350	Phạm Quang	Cường	23/07/2007	CCQ2517I	7.5	9.0	8,40	
3	2125170332	Võ Hoàng	Đăng	23/11/2007	CCQ2517I	7.5	8.0	7,80	
4	2125170331	Nguyễn Quốc	Danh	27/05/2007	CCQ2517I	7.5	6.0	6,60	
5	2125170389	Điền Minh	Đạt	08/05/2007	CCQ2517J	7.5	8.0	7,80	
6	2125170338	Võ Phan Tiến	Đạt	20/04/2007	CCQ2517I	7.3	5.0	5,90	
7	2125170344	Trần Công	Định	04/08/2007	CCQ2517I	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
8	2125170386	Nguyễn Minh	Dũng	27/09/2007	CCQ2517J	7.5	9.0	8,40	
9	2125140214	Trương Triệu	Dương	09/08/2007	CCQ2514F	9.0	8.0	8,40	
10	2125170330	Võ Văn Khánh	Duy	25/07/2007	CCQ2517I	7.3	6.0	6,50	
11	2125170348	Lương Thanh	Hải	26/03/2007	CCQ2517I	7.3	8.0	7,70	
12	2125170351	Phạm Vĩnh	Hào	15/05/2006	CCQ2517I	7.3	6.0	6,50	
13	2125170366	Nguyễn Phạm Hoàng	Hiệp	04/01/2007	CCQ2517J	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
14	2125170328	Nguyễn Công	Hiếu	26/06/2007	CCQ2517I	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
15	2125170385	Lê Đức	Huy	28/11/2007	CCQ2517J	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
16	2125170364	Nguyễn Quang	Huy	13/12/2007	CCQ2517I	7.3	6.0	6,50	
17	2125170360	Nguyễn Tuấn	Huy	23/08/2007	CCQ2517I	7.3	7.0	7,10	
18	2125330079	Huỳnh Gia	Khang	24/05/2007	CCQ2533C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125170384	Trần Duy	Khang	07/10/2007	CCQ2517J	8.5	4.0	5,80	
20	2125170345	Nguyễn Gia	Khánh	14/01/2007	CCQ2517I	8.5	8.0	8,20	
21	2125170347	Nguyễn Phan Hoàng	Lâm	21/01/2007	CCQ2517I	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
22	2125170349	Phạm Hoài	Lâm	05/01/2007	CCQ2517I	8.5	8.0	8,20	
23	2125170327	Mai Thanh	Lộc	12/02/2007	CCQ2517I	8.5	8.0	8,20	
24	2125170346	Lê Hoài	Nam	09/01/2007	CCQ2517I	8.5	8.0	8,20	
25	2125170383	Phạm Khánh	Nam	18/10/2006	CCQ2517J	8.5	7.0	7,60	
26	2125170335	Quách Công	Nam	17/07/2005	CCQ2517I	8.5	7.0	7,60	
27	2125170399	Trần Hạo	Nam	03/11/2007	CCQ2517J	8.5	5.0	6,40	
28	2125170343	Võ Văn	Nghĩa	18/12/2005	CCQ2517I	8.5	7.0	7,60	
29	2125170357	Đoàn Long	Nhật	03/12/2007	CCQ2517I	9.0	6.0	7,20	
30	2125170359	Phạm Văn	Phong	02/01/2007	CCQ2517I	9.0	7.0	7,80	
31	2125170324	Phan Đình	Phong	22/03/2007	CCQ2517I	9.0	8.0	8,40	
32	2125170377	Trần Thanh	Phong	06/11/2007	CCQ2517I	9.0	9.0	9,00	
33	2125170342	Nguyễn Thanh	Phú	05/06/2007	CCQ2517I	9.0	8.0	8,40	
34	2125170334	Nguyễn Minh	Phúc	12/04/2007	CCQ2517I	7.0	8.0	7,60	
35	2125170395	Phạm Nguyễn Thành	Phúc	31/10/2007	CCQ2517J	7.3	8.0	7,70	
36	2125170390	Nguyễn Phú	Quý	30/11/2007	CCQ2517J	0.0	0.0	0,00	
37	2125170367	Phan Nhật	Quyên	27/03/2007	CCQ2517J	7.3	9.0	8,30	
38	2125170380	Nguyễn Thái	Son	11/08/2007	CCQ2517J	7.3	8.0	7,70	
39	2125170391	Hoàng Đức	Tài	23/01/2007	CCQ2517J	8.0	7.0	7,40	
40	2125170341	Võ Phước	Tài	01/05/2007	CCQ2517I	2.0	0.0	0,80	
41	2125170376	Đinh Trường	Thắng	27/03/2007	CCQ2517I	8.3	7.0	7,50	
42	2125170361	Trương Quang	Thành	09/10/2007	CCQ2517I	8.8	8.0	8,30	
43	2125170401	Lê Nguyễn Quang	Thịnh	12/05/2007	CCQ2517J	8.0	7.0	7,40	
44	2125170397	Huỳnh Hoa	Thuận	07/01/2007	CCQ2517J	7.5	8.0	7,80	
45	2125170382	Trương Phú	Toàn	30/05/2007	CCQ2517J	8.8	5.0	6,50	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2125170394	Nguyễn Minh	Trí	20/02/2007	CCQ2517J	8.3	7.0	7,50	
47	2125170363	Thạch Minh	Trí	01/01/2007	CCQ2517I	7.3	9.0	8,30	
48	2125170356	Nguyễn Trần Đức	Tú	27/12/2006	CCQ2517I	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
49	2125170400	Nguyễn Minh	Tuấn	13/12/2007	CCQ2517J	7.5	6.0	6,60	
50	2125170353	Nguyễn Trọng	Vàng	05/04/2007	CCQ2517I	7.3	10.0	8,90	
51	2125170325	Phạm Bảo	Việt	18/11/2006	CCQ2517I	2.0	3.0	2,60	
52	2125170339	Lê Tuấn	Vũ	24/05/2007	CCQ2517I	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
53	2125170340	Phạm Ngọc	Vũ	24/10/2007	CCQ2517I	7.5	4.0	5,40	
54	2125170355	Trần Quang	Vũ	23/11/2007	CCQ2517I	7.5	7.0	7,20	
55	2125170378	Kim Hoàn	Vũ	16/07/2007	CCQ2517J	7.5	6.0	6,60	
56	2125170365	Nguyễn Phan Anh	Vương	08/11/2007	CCQ2517I	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

TPHCM , ngày 7 tháng 7 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình